

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

Stt	Mã thủ tục	Mức độ Dịch vụ công	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	I. LĨNH VỰC: HỘ TỊCH			
1.	2.000635.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	
2	1.004845.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	
3	1.004837.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký giám hộ	
4	1.000894.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký kết hôn	
5	1.000593.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	
6	1.004873.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	
7	1.004859.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	
8	1.001193.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký khai sinh	
9	1.004772.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
10	1.000689.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp	

			nhận cha, mẹ, con	
11	1.003583.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	
12	1.000656.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký khai tử	
13	1.000419.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	
14	1.004884.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	
15	1.005461.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký lại khai tử	
16	1.004746.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	
17	1.001022.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	
II. LĨNH VỰC: CHỨNG THỰC				
1	2.001009.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
2	2.000942.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	
3	2.000908.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	

4	2.000815.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	
		Mức độ 3		
5	2.000884.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	
6	2.001019.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục chứng thực di chúc	
7	2.001035.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	
8	2.000913.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ	

			sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	
9	2.001406.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
10	2.001016.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	
11	2.000927.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	
III	III. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT			
1	2.001449.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục cho thôi làm Tuyên truyền viên pháp luật	
2	2.001457.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục công nhận Tuyên truyền viên pháp luật	
3	2.000373.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục công nhận hòa giải viên	
4	2.002080.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải	

			viên	
5	2.000930.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	
6	2.000333.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	
IV	IV. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI			
1	2.001255.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	
2	2.001263.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký nuôi con nuôi trong nước	